

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK RƠ WA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

Đắk Rơ Wa, ngày 05 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐẮK RƠ WA

KHOÁ VII KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa VIII kỳ họp thứ 2 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Rơ Wa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn xã Đắk Rơ Wa;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Rơ Wa về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 đã được HĐND xã phê chuẩn tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2026, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng tổng chi ngân sách xã từ 208.710.345.124 đồng lên 209.353.171.765 đồng.

2. Điều chỉnh giảm kết dư ngân sách xã từ 645.359.827 đồng xuống còn 2.533.186 đồng.

3. Điều chỉnh giảm chuyển vào thu ngân sách xã năm 2026 số tiền 645.359.827 đồng xuống còn 2.533.186 đồng.

(Có biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

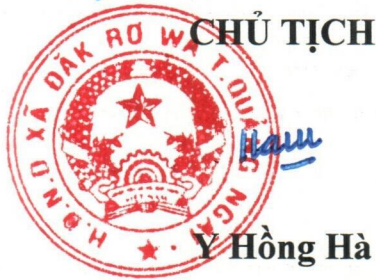
Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 6 năm 2026.
2. Biểu mẫu số 48, biểu mẫu số 51 tại Nghị quyết này thay thế biểu mẫu số 48, biểu mẫu số 51 tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025. Các nội dung khác đã được Hội đồng nhân dân xã Đăk Rơ Wa quyết định tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đăk Rơ Wa Khóa VII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, HĐND.



QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Rơ Wá)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tình giao	Dự toán HĐND xã giao	Quyết toán năm 2025 (chưa điều chỉnh)	Điều chỉnh	Quyết toán năm 2025 (sau điều chỉnh)	So sánh			
							DT tính giao		Dự toán HĐND xã giao	
							Tuyệt đối	Tương đối %	Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=4/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	98.241,500	98.241,500	209.355,705	-	209.355,705	111.114,205	2,131	111.114,205	2,131
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	6.111,000	6.111,000	2.121,813		2.121,813	(3.989,187)	0,347	(3.989,187)	0,347
-	Thu NSDP hưởng 100%	6.111,000	6.111,000	2.121,813		2.121,813	(3.989,187)	0,347	(3.989,187)	0,347
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	-	-	-		-	-	-	-	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	92.130,500	92.130,500	203.979,990		203.979,990	111.849,490	2,214	111.849,490	2,214
I	Thu bổ sung cân đối ngân sách	85.853,300	85.853,300	85.117,502		85.117,502	(735,798)	0,991	(735,798)	0,991
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.277,200	6.277,200	118.862,488		118.862,488	112.585,288	18,936	112.585,288	18,936
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					-	-	-	-	-
IV	Thu kết dư năm trước			54,526		54,526	54,526	-	54,526	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			3.199,377		3.199,377	3.199,377	-	3.199,377	-
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					-	-	-	-	-
VII	Vay của ngân sách địa phương					-	-	-	-	-
VIII	Thu huy động, đóng góp					-	-	-	-	-
B	TỔNG CHI NSDP	98.241,500	98.241,500	208.710,345	642,827	209.353,172	111.111,672	2,131	111.111,672	2,131
I	Tổng chi cân đối NSDP (bao gồm bội chi NSDP)	91.964,300	91.964,300	162.445,123		162.445,123	70.480,823	1,766	70.480,823	1,766
I.1	Tổng chi cân đối NSDP	91.964,300	91.964,300	162.445,123		162.445,123	70.480,823	1,766	70.480,823	1,766
1	Chi đầu tư phát triển	5.450,000	5.450,000	38.424,125		38.424,125	32.974,125	7,050	32.974,125	7,050
2	Chi thường xuyên	84.675,000	84.675,000	124.020,998		124.020,998	39.345,998	1,465	39.345,998	1,465
3	Chi trả nợ gốc, lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND xã giao	Quyết toán năm 2025 (chưa điều chỉnh)	Điều chỉnh	Quyết toán năm 2025 (sau điều chỉnh)	So sánh				
							DT tính giao		Dự toán HĐND xã giao		
							Tuyệt đối	Tương đối %	Tuyệt đối	Tương đối %	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=4/1	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					-	-	-	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	1.839,300	1.839,300			-	(1.839,300)	-	(1.839,300)	-	-
6	Chi nguồn giao tăng thu so dự toán Trung ương giao					-	-	-	-	-	-
7	Chi từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu NSDP		-	-		-	-	-	-	-	-
8	Chi cho vay từ nguồn vốn trong nước		-			-	-	-	-	-	-
1.2	Chi từ nguồn bội chi NSDP					-	-	-	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	6.277,200	6.277,200	14.110,586		14.110,586	7.833,386	2,248	7.833,386	2,248	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			14.110,586		14.110,586	14.110,586	-	14.110,586	-	-
	+ Chi sự nghiệp			1.853,629		1.853,629	1.853,629	-	1.853,629	-	-
	+ Chi đầu tư			12.256,957		12.256,957	12.256,957	-	12.256,957	-	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.277,200	6.277,200			-	(6.277,200)	-	(6.277,200)	-	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		-	31.947,136	642,827	32.589,963	32.589,963	-	32.589,963	-	-
IV	Chi nộp NS cấp trên		-	207,500		207,500	207,500	-	207,500	-	-
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP					-	-	-	-	-	-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	-	-	-		-	-	-	-	-	-
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					-	-	-	-	-	-
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					-	-	-	-	-	-
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	-	-	-		-	-	-	-	-	-
I	Vay để bù đắp bội chi					-	-	-	-	-	-
II	Vay để trả nợ gốc			-		-	-	-	-	-	-
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP					-	-	-	-	-	-

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH)

Kiểm tra, ghi quyết số 15/NQ-HĐND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Rơ Wà)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND giao	Quyết toán năm 2025 (chưa điều chỉnh)	Điều chỉnh	Quyết toán năm 2025 (sau điều chỉnh)	So sánh (%)	
							Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND giao
A	B	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	98.241,500	98.241,500	208.710,345	642,827	209.353,172	213,10	213,10
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM BỘI CHI NSDP)	91.964,300	91.964,300	162.445,123		162.445,123	176,64	176,64
A.1	CHI CẦN ĐÓI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	91.964,300	91.964,300	162.445,123		162.445,123	176,64	176,64
I	Chi đầu tư phát triển	5.450,000	5.450,000	38.424,125		38.424,125	705,03	705,03
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.450,000	5.450,000	38.424,125		38.424,125	705,03	705,03
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực						-	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			12.054,405		12.054,405	-	-
-	Chi văn hóa thông tin			-		-	-	-
-	Chi các hoạt động kinh tế			26.323,721		26.323,721	-	-
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý NN, Dân, Đoàn thể			46,000		46,000	-	-
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	-	-				-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.450,000	5.450,000				-	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác						-	-
II	Chi thường xuyên	84.675,000	84.675,000	124.020,998		124.020,998	146,47	146,47
	Trong đó:						-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.759,200	51.759,200	56.506,311		56.506,311	109,17	109,17
2	Chi khoa học và công nghệ	100,000	100,000	98,804		98,804	98,80	98,80
III	Chi trả nợ gốc, lãi các khoản do chính quyền địa phương vay						-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						-	-
V	Dự phòng ngân sách	1.839,300	1.839,300				-	-
VI	Chi từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Tỉnh giao						-	-
VII	Chi từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu NSDP						-	-

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND giao	Quyết toán năm 2025 (chưa điều chỉnh)	Điều chỉnh	Quyết toán năm 2025 (sau điều chỉnh)	So sánh (%)	
							Dự toán tính giao	Dự toán HĐND giao
A	B	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2
VIII	Chi cho vay từ nguồn vốn trong nước					-	-	-
A.2	Chi từ nguồn bồi chi NSDP					-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	6.277,200	6.277,200	14.110,586	-	14.110,586	224,79	224,79
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	14.110,586		14.110,586	-	-
1	Chương trình MTOG NTM			10.230,441		10.230,441	-	-
2	Chương trình MTOG giảm nghèo bền vững			323,495		323,495	-	-
3	Chương trình MTOG phát triển KTXH vùng DBDTTDS và miền núi			3.556,650		3.556,650	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.277,200	6.277,200	-		-	-	-
II.1	Bổ sung vốn đầu tư	2.400,000	2.400,000	-		-	-	-
1	Vốn nước ngoài	-	-	-		-	-	-
2.	Vốn trong nước	2.400,000	2.400,000	-		-	-	-
2.1	Bổ sung các chương trình mục tiêu	2.400,000	2.400,000	-		-	-	-
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	762,000	762,000			-	-	-
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.638,000	1.638,000			-	-	-
II.2	Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp	3.877,200	3.877,200	-		-	-	-
I	Vốn ngoài nước	-	-	-		-	-	-
II	Vốn trong nước	3.877,200	3.877,200			-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			31.947,136	642,827	32.589,963	-	-
D	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			207,500		207,500	-	-